TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ Đ** **TỈNH G L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 133/2022/QĐST-HNGĐ	*Đ Đ, ngày 09 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2022/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị N T M N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Bị đơn: Anh V V S, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N T M N với anh V V S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị N và anh S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng; chị N T M N phải nộp: 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh V V S phải nộp: 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng Chị N tự nguyện nộp thay cho anh S. Tổng cộng Chị N phải nộp toàn bộ án phí là: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0009673 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Đ, tỉnh G L. Chị N T M N được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G L;
- VKSND huyện Đ Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ Đ;
- UBND xã I-Đ Đ -G L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

N T S